

Ngày	6,600 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.1%	4.1%	-8.7%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,240 - 11,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	172
Số lượng CPLH (CP)	26,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,130
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.38
EPS	-752
P/E	-8.8

DT thuần

Q1/24

13.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼15.5| -53.5%

YoY: ▼56.8| -80.8%

LN trước thuế

Q1/24

-3.70

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.49| 59.7%

YoY: ▲ 13.0| 77.8%

LN sau thuế

Q1/24

-3.70

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.49| 59.7%

YoY: ▲ 13.2| 78.1%

ROA

2023

-2.5%

+/- YoY: ▼ 1.7%

DT thuần

2023

135

tỷ VNĐ

YoY: ▼46.0| -25.2%

LN trước thuế

2023

-40.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼33.8| -547%

LN sau thuế

2023

-40.3

tỷ VNĐ

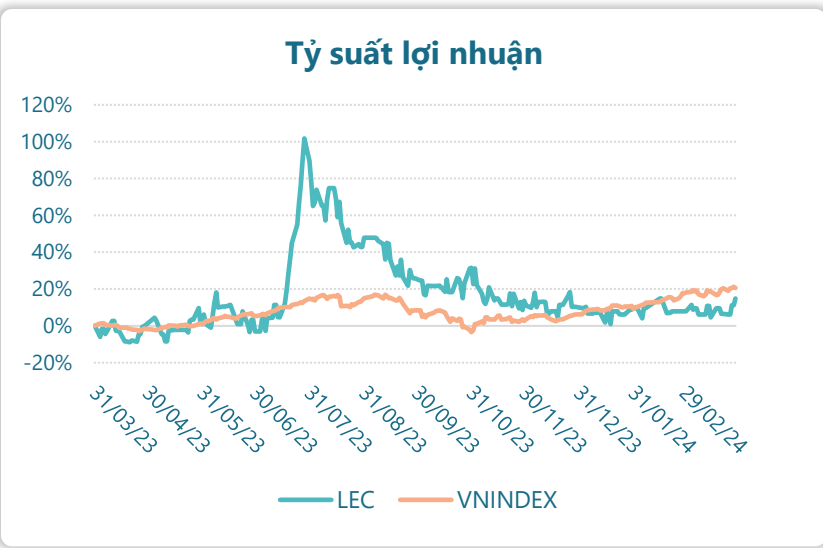
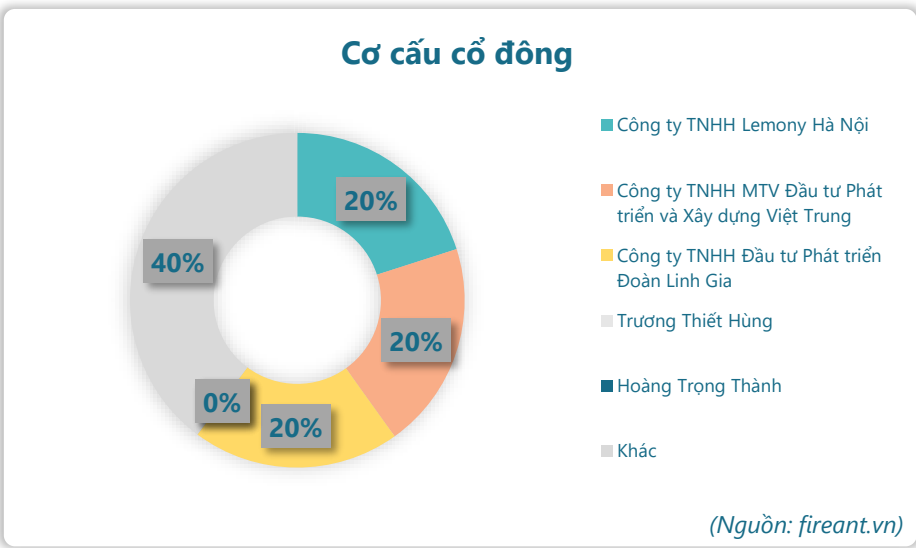
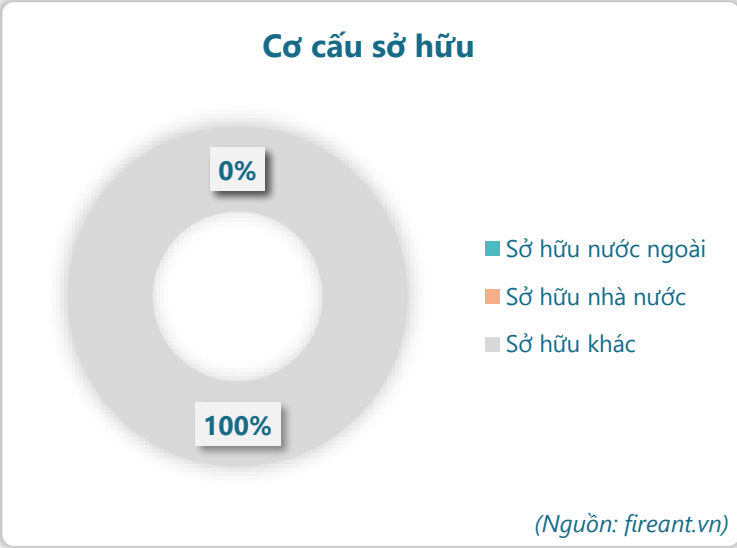
YoY: ▼31.4| -354%

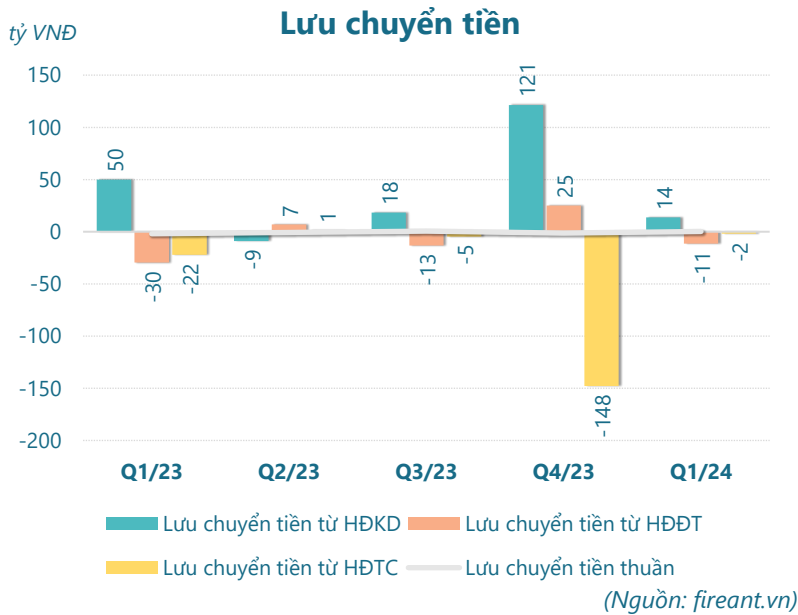
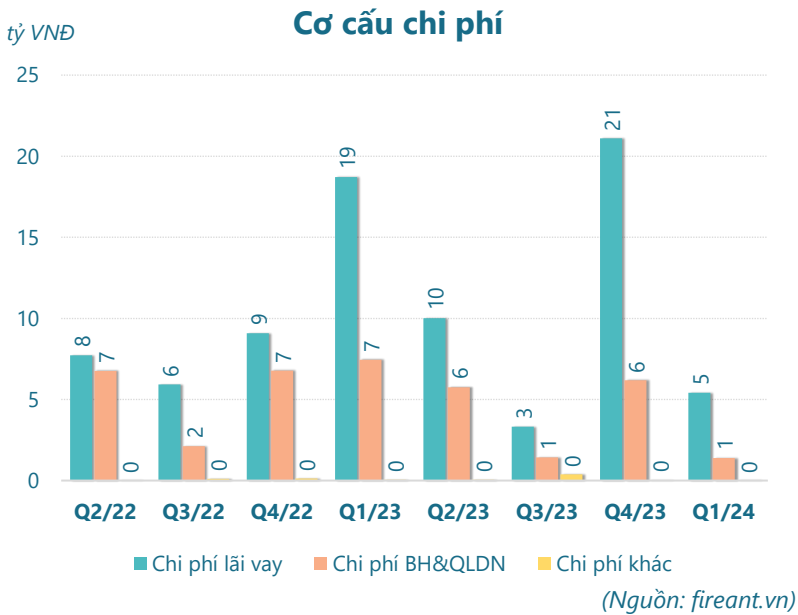
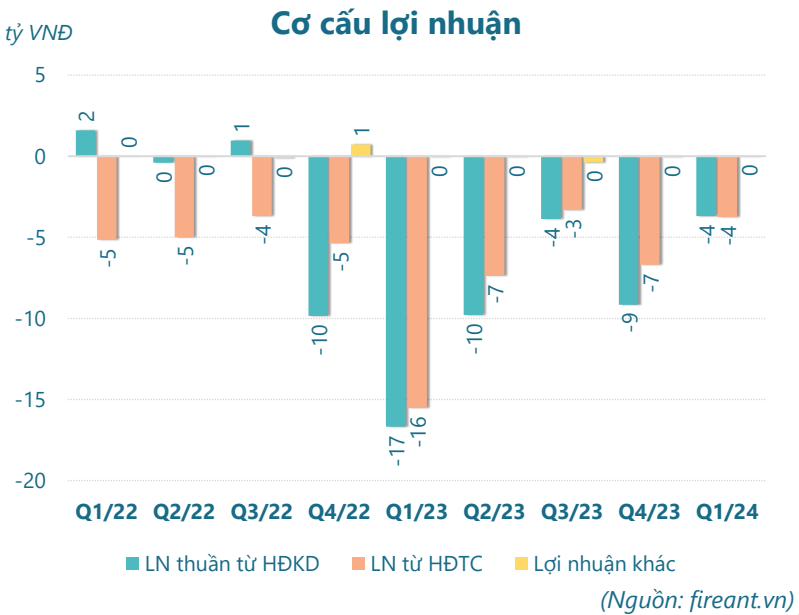
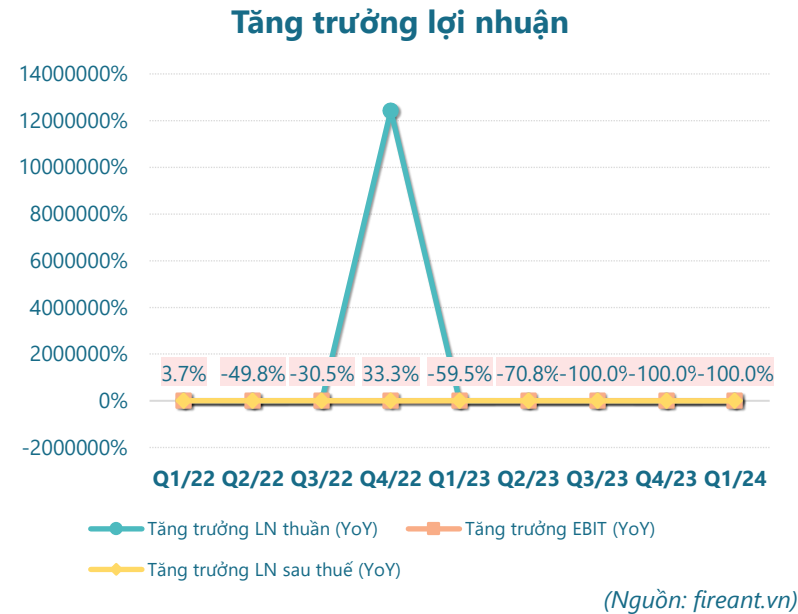
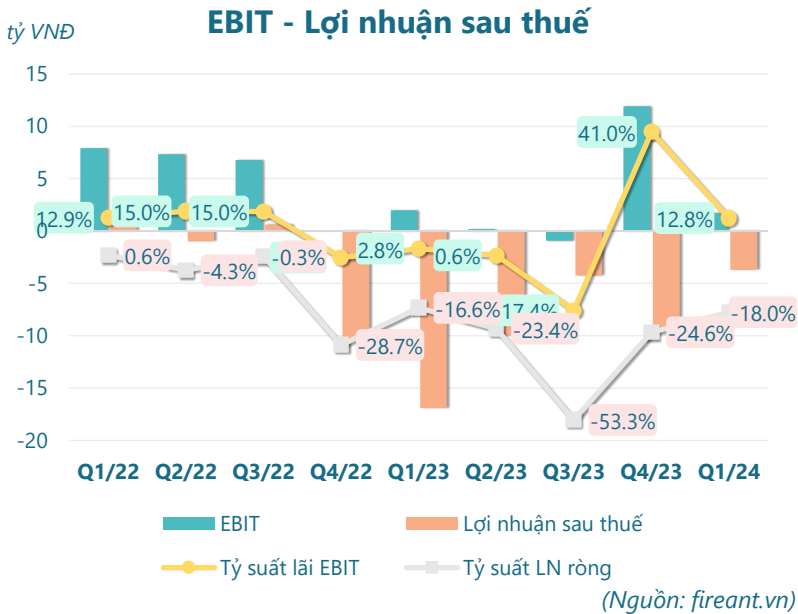
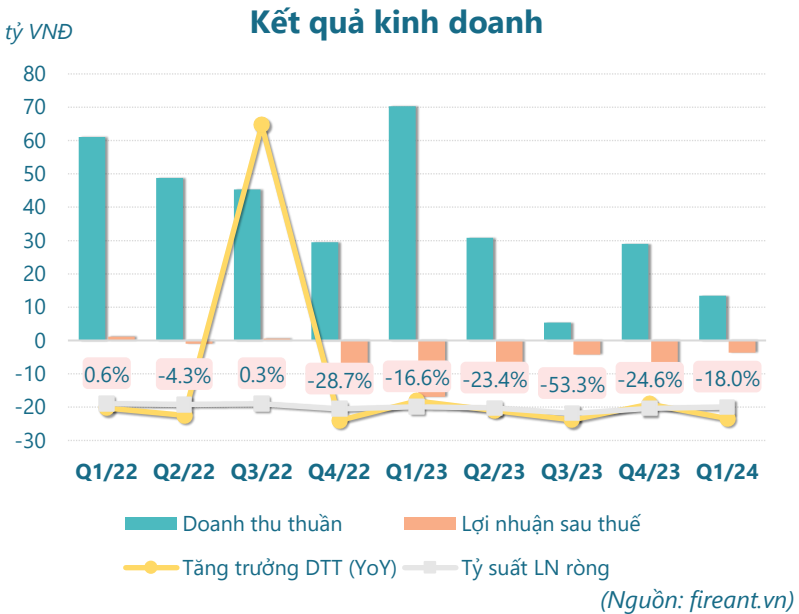
ROE

2023

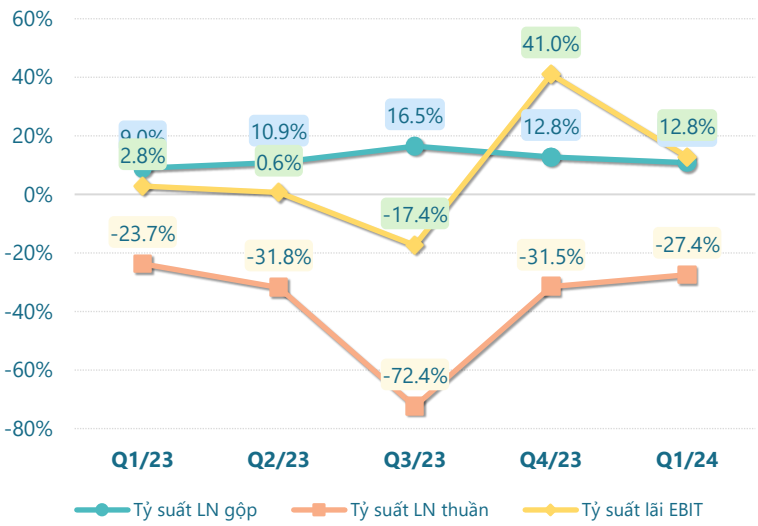
-7.0%

+/- YoY: ▼ 4.7%

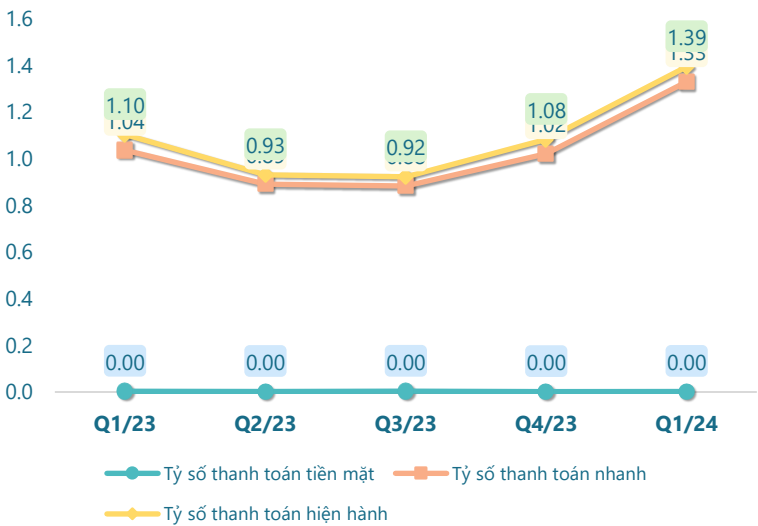




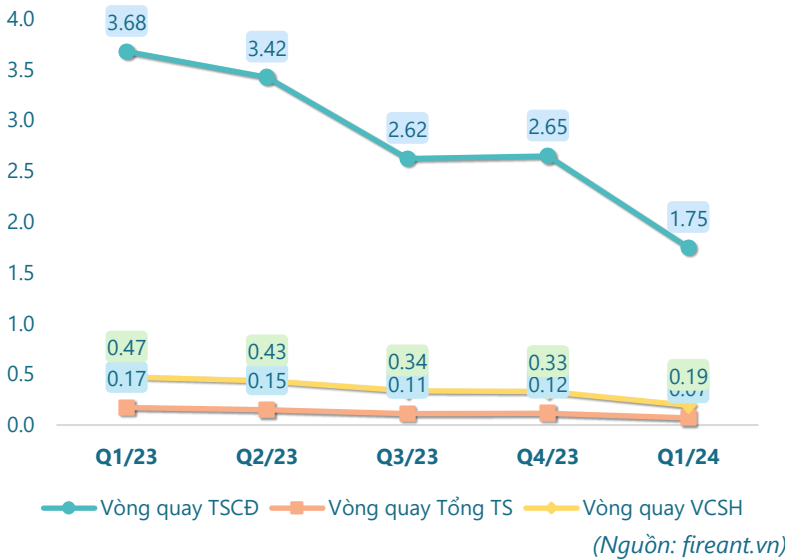
Tỷ suất lợi nhuận



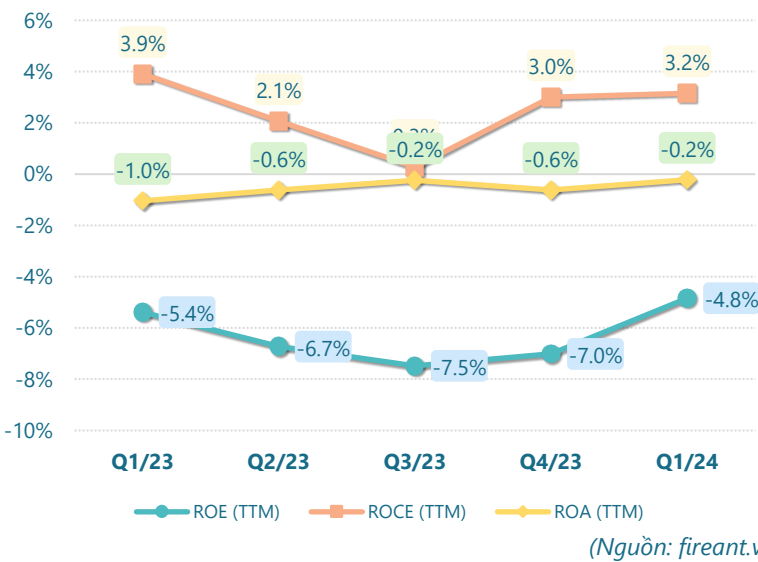
Chỉ số thanh khoản



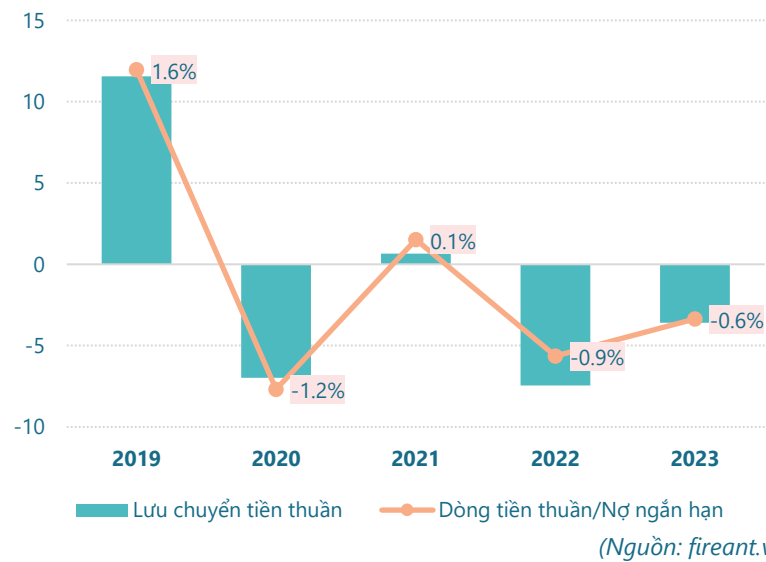
Vòng quay tài sản



Tỷ suất sinh lợi



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



Nhóm chỉ số định giá

